

UBND XÃ TÂM HƯNG
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

XẾP GIẢI KÌ THI HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA LỚP 9
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Họ tên học sinh			Ngày tháng năm sinh			Lớp	Trường THCS	Dự thi môn/phân môn	Dự thi KHỐI	Điểm	Xếp giải	Ghi chú
		Họ, đệm	Tên		Ngày	Tháng	Năm							
1	013	Lê Diệu	Linh		2	2	2011	9A1	Tam Hưng	Địa lí	9	14.5	Nhất	TP
2	019	Phạm Ngọc	Thảo		16	01	2011	9A	Thanh Văn	Địa lí	9	14.5	Nhất	TP
3	007	Dương Ngọc	Hà		26	9	2011	9A1	Tam Hưng	Địa lí	9	13.25	Nhì	
4	006	Đào Minh	Giang		10	11	2011	9A1	Tam Hưng	Địa lí	9	12.75	Nhì	
5	023	Nguyễn Thủy	Vân		13	12	2011	9A1	Tam Hưng	Địa lí	9	12.25	Nhì	
6	004	Nguyễn Hải	Đăng		29	07	2011	9A3	Thanh Thủy	Địa lí	9	11.25	Ba	
7	003	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		13	09	2011	9C	Thanh Văn	Địa lí	9	10.5	Ba	
8	014	Kiều Yên	Nhi		02	03	2011	9A2	Tam Hưng	Địa lí	9	10.5	Ba	
9	005	Đỗ Tiến	Đạt		20	01	2011	9A	Thanh Văn	Địa lí	9	10.25	Ba	
10	008	Phạm Thanh	Hà		01	07	2011	9A	Thanh Văn	Địa lí	9	9.75	KK	
11	011	Tào Thu	Hường		29	01	2011	9A2	Tam Hưng	Địa lí	9	9.5	KK	
12	010	Tào Vân	Hương		12	09	2011	9A2	Tam Hưng	Địa lí	9	9.25	KK	
13	016	Nguyễn Thủy Hà	Phuong		12	08	2011	9A2	Tam Hưng	Địa lí	9	9.25	KK	
14	018	Trần Như	Quỳnh		06	09	2011	9A3	Thanh Thủy	Địa lí	9	9.25	KK	
15	002	Nguyễn Phương	Anh		12	10	2011	9A	Thanh Văn	Địa lí	9	9	KK	
16	009	Lê Gia	Hào		18	08	2011	9A3	Thanh Thủy	Địa lí	9	9	KK	
17	012	Lê Thanh	Huyền		07	06	2011	9C	Mỹ Hưng	Địa lí	9	9	KK	
18	030	Phạm Hương	Giang		01	10	2011	9A1	Tam Hưng	GD&CD	9	14.25	Nhất	TP
19	031	Kiều Thu	Hiền		28	10	2011	9A1	Tam Hưng	GD&CD	9	14	Nhất	TP
20	032	Nhữ Ngọc	Khánh		13	9	2011	9A1	Tam Hưng	GD&CD	9	13.75	Nhì	
21	026	Hà Phương	Anh		10	08	2011	9A	Thanh Văn	GD&CD	9	13	Nhì	

22	028	Nguyễn Lê Hoài	Anh	13	10	2012	8A1	Tam Hưng	GDGD	9	12.75	Nhi	
23	041	Lê Thủy	Tiên	10	07	2011	9A1	Tam Hưng	GDGD	9	12.25	Ba	
24	040	Hoàng Ngọc Anh	Thư	09	02	2011	9A2	Tam Hưng	GDGD	9	12	Ba	
25	025	Nguyễn Bảo	An	24	12	2011	9A4	Thanh Thùy	GDGD	9	11.75	Ba	
26	043	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	25	09	2011	9C	Mỹ Hưng	GDGD	9	11.75	Ba	
27	034	Nguyễn Thị Phương	Linh	15	01	2011	9A	Thanh Văn	GDGD	9	11.5	KK	
28	035	Bùi Thị	Lợi	18	02	2011	9C	Mỹ Hưng	GDGD	9	11.5	KK	
29	038	Phạm Uyên	Nhi	24	07	2011	9C	Mỹ Hưng	GDGD	9	11.5	KK	
30	029	Nguyễn Ngọc	Diệp	21	10	2011	9A4	Thanh Thùy	GDGD	9	11.25	KK	
31	044	Nguyễn Thị Bảo	Yến	23	02	2011	9C	Mỹ Hưng	GDGD	9	11.25	KK	
32	033	Lê Anh	Khôi	18	12	2011	9A1	Tam Hưng	GDGD	9	11	KK	
33	037	Vũ Nguyễn Khôi	Nguyễn	02	9	2011	9A1	Tam Hưng	GDGD	9	11	KK	
34	039	Bùi Thị Quỳnh	Như	08	10	2011	9A3	Thanh Thùy	GDGD	9	10.75	KK	
35	036	Nguyễn Hồng	Ngân	21	12	2011	9A	Thanh Văn	GDGD	9	10.5	KK	
36	027	Lê Phương	Anh	20	09	2011	9A1	Thanh Thùy	GDGD	9	10	KK	
37	042	Cao Thị Huyền	Trang	18	05	2011	9A1	Thanh Thùy	GDGD	9	10	KK	
38	052	Phạm Hà	Phuong	17	03	2011	9A1	Tam Hưng	Hóa học	9	13.5	Nhất	TP
39	056	Vũ Thị	Xiêm	06	07	2011	9A3	Thanh Thùy	Hóa học	9	10.75	Nhi	TP
40	049	Phạm Trà	My	09	03	2011	9A2	Tam Hưng	Hóa học	9	10	Ba	
41	050	Tào Quỳnh	Nga	26	01	2011	9A1	Tam Hưng	Hóa học	9	9	KK	
42	054	Nguyễn Đức	Thuận	10	02	2011	9C	Mỹ Hưng	Hóa học	9	9	KK	
43	070	Lê Thu	Hà	26	10	2011	9C	Mỹ Hưng	Lịch sử	9	17	Nhất	TP
44	072	Phạm Như	Quỳnh	24	09	2011	9C	Mỹ Hưng	Lịch sử	9	15	Nhất	TP
45	066	Nguyễn Nhật	Minh	30	7	2011	9A1	Tam Hưng	Lịch sử	9	14	Nhi	
46	071	Tạ Khánh Ngọc	Hà	06	02	2011	9C	Mỹ Hưng	Lịch sử	9	14	Nhi	
47	059	Trần Hải	Anh	13	8	2011	9A2	Tam Hưng	Lịch sử	9	13	Ba	

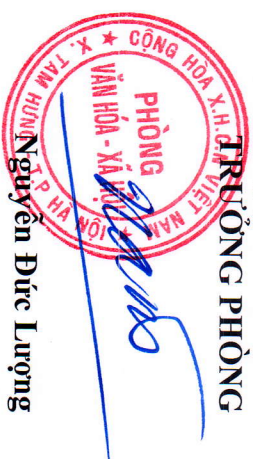
48	060	Lê Hải	Đặng	17	12	2011	9A1	Tam Hưng	Lịch sử	9	12.5	Ba	
49	057	Nguyễn Thị Hải	An	08	08	2011	9A2	Thanh Thùy	Lịch sử	9	12	Ba	
50	068	Tạ Hồng	Phúc	20	4	2011	9A1	Tam Hưng	Lịch sử	9	12	Ba	
51	064	Thái Nguyễn Trọng	Khang	7	11	2011	9A1	Tam Hưng	Lịch sử	9	11.5	KK	
52	067	Đình Tuấn	Phong	25	8	2011	9A1	Tam Hưng	Lịch sử	9	10.5	KK	
53	069	Nguyễn Phương	Thảo	16	09	2011	9A2	Thanh Thùy	Lịch sử	9	10.5	KK	
54	076	Nguyễn Quế	Chi	26	10	2011	9A1	Tam Hưng	Ngữ văn	9	14	Nhất	TP
55	078	Đàm Hồng	Diễm	17	09	2011	9A	Thanh Văn	Ngữ văn	9	13	Nhất	TP
56	075	Vũ Thị Ngọc	Bích	17	10	2011	9C	Mỹ Hưng	Ngữ văn	9	12.5	Nhì	
57	074	Tô Mai	Anh	12	6	2011	9A	Thanh Văn	Ngữ văn	9	11.5	Nhì	
58	087	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	17	01	2011	9C	Mỹ Hưng	Ngữ văn	9	11.5	Nhì	
59	077	Phan Kiều Linh	Dan	08	3	2011	9A3	Thanh Thùy	Ngữ văn	9	11	Ba	
60	081	Ngô Phương	Lê	02	8	2011	9A3	Thanh Thùy	Ngữ văn	9	10.5	Ba	
61	084	Nguyễn Bảo	Ngọc	31	7	2011	9A1	Tam Hưng	Ngữ văn	9	10.5	Ba	
62	082	Cao Hương	Ly	26	12	2011	9A3	Thanh Thùy	Ngữ văn	9	10.25	Ba	
63	088	Vương Anh	Thư	12	11	2011	9A1	Tam Hưng	Ngữ văn	9	10	KK	
64	079	Nguyễn Thị Ánh	Dương	02	05	2011	9A	Thanh Văn	Ngữ văn	9	9.5	KK	
65	080	Tạ Thục	Hân	11	1	2011	9A1	Tam Hưng	Ngữ văn	9	9.5	KK	
66	086	Tào Thu	Phượng	08	4	2011	9A3	Thanh Thùy	Ngữ văn	9	9.5	KK	
67	073	Nguyễn Minh	Anh	30	01	2011	9C	Mỹ Hưng	Ngữ văn	9	9	KK	
68	102	Nguyễn Thu	Trang	16	04	2011	9A1	Tam Hưng	Sinh học	9	11.25	Nhất	TP
69	101	Lê Thanh	Thảo	17	11	2011	9A1	Tam Hưng	Sinh học	9	10.5	Nhì	TP
70	099	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	26	04	2011	9C	Mỹ Hưng	Sinh học	9	10	Ba	
71	095	Nguyễn Thị	Lụa	24	03	2011	9A3	Thanh Thùy	Sinh học	9	9.5	KK	
72	092	Nguyễn Đức Tuấn	Hải	12	05	2011	9A3	Thanh Thùy	Sinh học	9	9	KK	
73	100	Hoàng Xuân	Phong	10	8	2011	9C	Mỹ Hưng	Sinh học	9	9	KK	

74	111	Lê Nguyễn Nhật	Mỹ	8	8	2011	9A1	Tam Hưng	Tiếng Anh	9	16.7	Nhất	TP
75	106	Nguyễn Gia	Bảo	29	10	2011	9A1	Tam Hưng	Tiếng Anh	9	15.5	Nhất	TP
76	107	Đỗ Ngọc An	Bình	10	9	2011	9A1	Tam Hưng	Tiếng Anh	9	14.7	Nhì	
77	115	Nguyễn Thị	Thu	4	1	2011	9C	Mỹ Hưng	Tiếng Anh	9	14	Nhì	
78	112	Kiều Ninh	Nhật	28	8	2011	9A1	Tam Hưng	Tiếng Anh	9	13.2	Ba	
79	114	Bùi Tấn	Phát	20	08	2011	9A3	Thanh Thùy	Tiếng Anh	9	13.2	Ba	
80	117	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	25	09	2011	9C	Mỹ Hưng	Tiếng Anh	9	13	Ba	
81	105	Nguyễn Trịnh Mai	Anh	25	03	2011	9A3	Thanh Thùy	Tiếng Anh	9	12	Ba	
82	113	Phạm Tuệ	Nhi	13	05	2011	9A	Thanh Văn	Tiếng Anh	9	11.3	KK	
83	118	Đỗ Thị Bảo	Yến	04	01	2011	9C	Mỹ Hưng	Tiếng Anh	9	11	KK	
84	104	Nguyễn Trọng Chí	An	10	05	2011	9A	Thanh Văn	Tiếng Anh	9	10.6	KK	
85	109	Đinh Gia	Huy	26	04	2011	9A3	Thanh Thùy	Tiếng Anh	9	10.6	KK	
86	110	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29	04	2011	9A3	Thanh Thùy	Tiếng Anh	9	10.5	KK	
87	128	Nguyễn Minh	Ngọc	5	12	2011	9A1	Tam Hưng	Toán	9	14	Nhất	TP
88	122	Tô Đình	Đức	21	10	2011	9A	Thanh Văn	Toán	9	12	Nhì	TP
89	127	Nguyễn Phương	Linh	27	9	2011	9C	Mỹ Hưng	Toán	9	11.25	Ba	
90	132	Tạ Thủy	Tiên	24	08	2011	9A3	Thanh Thùy	Toán	9	10.75	Ba	
91	121	Nguyễn Thành	Đạt	05	01	2011	9A3	Thanh Thùy	Toán	9	10.5	KK	
92	126	Tạ Đình Tùng	Lâm	5	4	2011	9A1	Tam Hưng	Toán	9	10.5	KK	
93	120	Tổng Việt	Anh	04	10	2011	9A3	Thanh Thùy	Toán	9	10	KK	
94	123	Nguyễn Trí	Hải	3	1	2011	9A1	Tam Hưng	Toán	9	10	KK	
95	125	Nguyễn Công	Khôi	25	07	2011	9A3	Thanh Thùy	Toán	9	10	KK	
96	129	Tào Minh	Quang	09	08	2011	9A3	Thanh Thùy	Toán	9	10	KK	
97	133	Trần Quốc	Việt	26	5	2011	9C	Mỹ Hưng	Toán	9	10	KK	
98	119	Lê Việt	Anh	15	3	2011	9A1	Tam Hưng	Toán	9	9	KK	
99	130	Lê Huy	Thịnh	19	1	2011	9A1	Tam Hưng	Toán	9	9	KK	

100	141	Trần Thị Như	Ngọc	7	1	2011	9A1	Tam Hưng	Vật lí	9	11.5	Nhì	TP
101	142	Trần Bách	Việt	3	2	2011	9A1	Tam Hưng	Vật lí	9	11.5	Nhì	TP
102	134	Phạm Bình	An	22	03	2011	9A	Thanh Văn	Vật lí	9	11.25	Ba	
103	138	Nguyễn Anh	Duy	18	04	2011	9C	Mỹ Hưng	Vật lí	9	11	Ba	
104	137	Hoàng Bảo	Chung	18	6	2011	9A1	Tam Hưng	Vật lí	9	10.25	Ba	
105	135	Phạm Tuấn	Anh	28	7	2011	9A1	Tam Hưng	Vật lí	9	10	Ba	
106	139	Tạ Duy	Khánh	04	02	2011	9C	Mỹ Hưng	Vật lí	9	9	KK	

Tam Hưng, ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỜNG PHÒNG



Nguyễn Đức Lương